

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2025/DS-PT

Ngày: 22-01-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng;
Bà Nguyễn Thị Rên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5240/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Ngô Thị D, sinh năm 1973;

2. Ông Mai Công T, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: số A, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Văn R, sinh năm 1962; địa chỉ: số A, N, khu phố B, thị trấn B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Văn K, sinh năm 1964;

2. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Văn R trình bày:

Ngày 10/11/2022 âm lịch (nhằm ngày 03/12/2022 dương lịch), vợ chồng nguyên đơn ông Mai Công T, bà Ngô Thị D có cho vợ chồng bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 mượn số tiền là 50.000.000 đồng để làm ăn trong gia đình. Ông K, bà D1 hẹn tháng 4 năm 2023 trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho nguyên đơn. Do quen biết lối xóm nguyên đơn chỉ cho mượn chứ không cho vay nên không yêu cầu tính lãi.

Trong biên nhận là do ông T viết bà Nguyễn Thị D1 ký tên và ghi rõ họ tên. Số tiền 50.000.000 đồng mà phía bị đơn nhận là tiền mượn chứ không có việc mua bán đất.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông K, bà D1 trả số tiền mượn cho phía nguyên đơn mà phía bị đơn cứ hẹn lần hẹn lượt không chịu trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện ủy quyền ông Ngô Văn K là bà Nguyễn Thị D1 trình bày:

Giữa vợ chồng bà và ông Mai Công T, bà Ngô Thị D có thỏa thuận việc mua bán đất và bà có nhận số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) từ ông T nhưng đó là tiền cọc từ việc mua bán đất. Phía nguyên đơn hứa chồng tiền tiếp cho bà để thực hiện việc chuyển nhượng phần đất mà bà đã thỏa thuận bán cho phía nguyên đơn mà đến nay phía nguyên đơn vẫn không thực hiện việc thỏa thuận mua bán đất với vợ chồng bà.

Nay phía nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền vay thì bà không đồng ý vì bà không có vay mượn tiền của bà D và ông T; tiền bà nhận từ ông T là tiền cọc từ việc mua bán đất nay ông T bà D không chuyển nhượng đất của bà thì phải chịu mất cọc bà không đồng ý hoàn trả số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng cho ông T, bà D.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Công T, bà Ngô Thị D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 phải có trách nhiệm liên

đổi trả cho ông Mai Công T, bà Ngô Thị D số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2024, bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị D và ông Mai Công T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày không có vay mượn tiền của bà D1 và ông T, đây là tiền đặt cọc từ việc mua bán đất nay ông T bà D1 không chuyển nhượng đất của bà thì phải chịu mất cọc. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào biên nhận ngày 10/11/2022 âm lịch để yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng căn cứ theo biên nhận ngày 10/11/2022 âm lịch có nội dung “2 Cánh có đưa thêm 2 kịch 50 triệu (Năm mươi triệu) tới tháng 4 gởi lợi thêm 2 kịch có nhận ký tên”. Bị đơn bà D1 cũng

thừa nhận 2 Cánh trong biên nhận là ông Mai Công T và bà có ký vào biên nhận như nguyên đơn cung cấp, bà và ông K có nhận của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Do đó có cơ sở xác nhận ông K, bà D1 có nhận của ông T, bà Ngô Thị D số tiền 50.000.000 đồng.

[2.2]. Xét lời trình bày của bà D số tiền này là tiền đặt cọc bán đất chứ không phải tiền vay, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà D giao nộp tài liệu chứng cứ, chứng minh có việc chuyển nhượng đất với ông T và bà D và chứng minh số tiền 50.000.000 đồng là tiền đặt cọc nhưng bà D không cung cấp được.

Đối với những người làm chứng trong quá trình giải quyết sơ thẩm (bà Nguyễn Thị S, bà Ngô Thị H) trình bày xác nhận có sự việc mua bán đất và bà H có nghe ông T nói đưa số tiền 50.000.000 đồng là tiền mua đất nhưng không biết ghi như thế nào nên ghi là tiền mượn, sự việc này người đại diện theo ủy quyền của ông T không thừa nhận. Hơn nữa, theo biên nhận ngày 10/11/2022 âm lịch không có nội dung nào thể hiện bà D nhận 50.000.000 đồng là tiền cọc từ việc chuyển nhượng đất. Do đó không có cơ sở xem xét đây là tiền cọc từ việc chuyển nhượng đất.

Do bà D đã nhận của ông T và bà D số tiền 50.000.000 đồng nhưng chưa trả lại cho bà D và ông T số tiền trên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3]. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã căn cứ vào việc bà D thừa nhận là nhận số tiền 50.000.000 đồng về để làm ăn phục vụ kinh tế gia đình và tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M xác nhận bà D và ông K có đăng ký kết hôn và cùng sinh sống làm ăn kinh tế chung, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân để buộc ông K phải có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả khoản nợ này cho ông T, bà D là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D và ông T là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn ông K và bà D kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, ông K và bà D phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Công T, bà Ngô Thị D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Mai Công T, bà Ngô Thị D số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Mai Công T bà Ngô Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001261 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị D1 mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002465 và số 0002466 ngày 09/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng